

Số: 106/NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 25/BC-HĐND-KTXH ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công

1. Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của huyện.

2. Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.

4. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

5. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

6. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025: là 3.763.823 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn huyện quản lý: 2.109.423 triệu đồng.

2. Vốn tỉnh hỗ trợ: 856.900 triệu đồng.

3. Vốn Trung ương hỗ trợ: 797.500 triệu đồng.

III. Phương án phân bổ chi tiết

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của huyện là **3.421.657 triệu đồng**, bao gồm:

1. Dự án chuyển tiếp: 437.896 triệu đồng.

2. Dự án khởi công mới: 2.983.761 triệu đồng.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ và đại biểu HĐND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP HĐND-UBND huyện
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hùng

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện)

Đvt: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%	
	Tổng số	3.763.823	3.421.657	342.166	
1	Vốn huyện quản lý	2.109.423	1.917.657	191.766	
2	Vốn tỉnh hỗ trợ	856.900	779.000	77.900	
3	Vốn Trung ương hỗ trợ	797.500	725.000	72.500	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Báo bình-kém theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
	TỔNG SỐ		3.803.623	3.373.685	1.869.685	779.000	725.000	1.917.657	779.000	725.000	47.972	-	
A	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		2.140.163	1.860.146	890.646	489.500	480.000	899.146	489.500	480.000	8.500	-	
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		649.475	418.657	338.657	80.000	-	418.657	80.000	-	-	-	
1	Đường từ dãi đất đỏ đi trung tâm xã Lộc Thành		6.494	3.494	3.494			3.494					Hoàn thành
2	Đường từ QL13 đi xã Lộc An và Lộc Hiệp		60.000	54.314	54.314			54.314					Thị công
3	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn		150.000	150.000	150.000			150.000					
4	Đường từ tổ 4 ấp 8 (ngã ba nhà ông Tư Lễ) đi trung tâm hành chính xã		4.999	200	200			200					Hoàn thành
5	Đường nhựa ấp Cấn Dục đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ đường xuyên Á đi nhà ông Ngô Văn Dũng)		5.382	391	391			391					Hoàn thành
6	Đường từ ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2 đi trung tâm xã Lộc Thành		5.999	2.999	2.999			2.999					Hoàn thành
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu thị trấn Lộc Ninh		11.466	11.466	11.466			11.466					Hoàn thành
8	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh		10.487	10.487	10.487			10.487					Hoàn thành
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường tiểu học Lộc Thái A đi xã Lộc Thiện)		12.000	6.230	6.230			6.230					Quyết toán
10	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoan - Hiệp Hoan A, xã Lộc Hiệp) giai đoạn 2		8.649	8.649	8.649			8.649					Quyết toán
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thành kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)		15.000	9.000	9.000			9.000					Đang QT
12	XD Cầu BTCT đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thành		5.000	2.000	2.000			2.000					Hoàn thành
13	Đường từ ấp Vườn Bưởi đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ tổ 3, ấp Vườn Bưởi đi tổ 8, ấp Măng Cãi)		9.924	1.124	1.124			1.124					Hoàn thành
14	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa		55.000	25.228	25.228			25.228					Đang QT
15	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tê, xã Lộc Thành		39.500	3.500	3.500			3.500					Đang QT
16	Đường từ Cầu Ông Kỳ đi công sau nhà máy chế biến Công ty cao su Lộc Ninh		4.575	4.575	4.575			4.575					Thị công
17	Đường tránh QL13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		245.000	125.000	45.000	80.000		125.000	80.000				Thị công
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.490.688	1.441.489	551.989	409.500	480.000	1.449.989	409.500	480.000	8.500	-	

TT	Danh mục dự án	TMBT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
1	Đường liên ấp từ tổ 4 ấp Chàng Hai đi tổ 7,9 ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	15.000	15.000	15.000			15.000	15.000					Thi công
2	Đường từ ngã tư Mối Tôn, xã Lộc Thiện đi xã Lộc Thái	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000					Quyết toán
3	Cầu BTCT đường Phan Chu Trinh (núi dài)	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Hoàn thành
4	Đường liên xã Lộc Tân - Lộc Thiện (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi ấp K54, xã Lộc Thiện)	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000					Thiết kế xong
5	Đầu tư hạ tầng quy hoạch khu dân cư xã Lộc Thái	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Thi công
6	Nâng cấp đường từ tổ 1 ấp Bồn Xăng đi khu di tích lịch sử Bồn Xăng VK.98, xã Lộc Quang	6.990	6.990	6.990			6.990	6.990					Hoàn thành
7	Đường ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	3.379	3.379	3.379			3.379	3.379					Thi công
8	Xây dựng kê đá và san lấp mặt bằng khu đất trước trụ sở UBND xã Lộc Quang	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990					Hoàn thành
9	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 1,4 ấp Cấn Lê xã Lộc Khánh(giai đoạn 2)	4.500	4.500	4.500			4.500	4.500					Thi công
10	Đường tổ 6,7 ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	6.505	6.505	6.505			6.505	6.505					Đang thiết kế
11	Đường liên ấp Thăng Lợi - Tân Lợi đi trung tâm hành chính xã Lộc Phú	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995					Đang thiết kế
12	Đường từ ngã ba cây xăng Như Ý đi QL13, xã Lộc Hoà	4.447	4.447	4.447			4.447	4.447					Đang thiết kế
13	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,2 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Thi công
14	XD đường vành đai ấp 11B đi ấp 10, xã Lộc Thiện	2.981	2.981	2.981			2.981	2.981					Thi công
15	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An	2.120	2.120	2.120			2.120	2.120					Thi công
16	Đường từ chợ Lộc Hiệp đi đường ĐT 756 và đường ấp Hiệp Hoà (quanh hồ Cầu Thàng), xã Lộc Hiệp	3.424	3.424	3.424			3.424	3.424					Hoàn thành
17	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường nhựa từ trung tâm hành chính xã đi ấp Kieu xã Lộc Thành	2.689	2.689	2.689			2.689	2.689					Thi công
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Ngăn hàng Lộc Thái đi xã Lộc Điện (đoạn từ ngã ba Ngăn hàng đi cây xăng Thiên Phú)	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Hoàn thành
19	Đường từ tổ 5B đi tổ 11 ấp 8 xã Lộc Điện	3.946	3.946	3.946			3.946	3.946					Thi công
20	Đường tổ 1 ấp Măng Cãi và đường tổ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998					Đang thiết kế
21	Xây dựng hệ thống mương tổ 1 ấp 11B, xã Lộc Thiện	1.165	1.165	1.165			1.165	1.165					Thi công
22	Giàn độ dốc của đường dân sinh đầu nối QL13, xã Lộc Tân	985	985	985			985	985					Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	TMBT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
23	Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	10.500	10.500	10.500			10.500	10.500					Hoàn thành
24	Đường GTNT ấp Lộc Bình 2 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thành	4.260	4.260	4.260			4.260	4.260					Đang thiết kế
25	Đường nhựa ấp Tà Tê 1 đi Trung tâm hành chính xã Lộc Thành (đoạn từ kênh thủy lợi đến đập nước Tà Tê)	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Đang thiết kế
26	Đường nhựa Cầu Bù Linh đi ấp 7 xã Lộc Thuận	5.409	5.409	5.409			5.409	5.409					Đang thiết kế
27	Đường tổ 11 đi tổ 13 ấp 8, xã Lộc Điền	4.839	4.839	4.839			4.839	4.839					Đang thiết kế
28	Đường ấp Bù Tam, xã Lộc Quang	5.358	5.358	5.358			5.358	5.358					Thi công
29	Xây dựng đường đi tuyến đường tổ 4 ấp Việt Tân, tổ 2,3 ấp Bù Tam xã Lộc Quang	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Đang thiết kế
30	Xây dựng đường thoát nước tổ 2,5 ấp 10 xã Lộc Thiện	1.183	1.183	1.183			1.183	1.183					Đang thiết kế
31	Xây dựng cầu BTCT ấp 8 và cầu BTCT ấp 2 đi ấp 6 xã Lộc Điền	2.600	2.600	2.600			2.600	2.600					Đang thiết kế
32	Xây dựng đường thoát nước trên tuyến đường bê tông và đường nhựa ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành	1.474	1.474	1.474			1.474	1.474					Đang thiết kế
33	Xây dựng đường thoát nước tổ 1,4 ấp Vườn Bưởi và tổ 8 ấp 11B xã Lộc Thiện	1.363	1.363	1.363			1.363	1.363					Đang thiết kế
34	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 6, xã Lộc An	1.550	1.550	1.550			1.550	1.550					Đang thiết kế
35	Xây dựng mương và cầu bê tông trên tuyến đường tổ 1 ấp 3 xã Lộc An	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995					Đang thiết kế
36	Xây dựng cống bê tông cốt thép tại tổ 4 ấp 5C, xã Lộc Tấn	600	600	600			600	600					Đang thiết kế
37	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3, xã Lộc Điền	992	992	992			992	992					Đang thiết kế
38	Xây dựng mương thoát nước đường BTXM ấp 8, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	1.926	1.926	1.926			1.926	1.926					Thi công
39	Đường từ QL13 đi Nghĩa trang nhân dân huyện	11.000	11.000	11.000			11.000	11.000					Thi công
40	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp (giai đoạn 2)	21.000	21.000	21.000			21.000	21.000					Đang thiết kế
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Ba Ven đi khu 41 hộ ấp Càn Lê	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000					Thiết kế xong
42	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL13 đến chợ Lộc Hòa.	14.500	14.500	14.500			14.500	14.500					Đang thiết kế
43	Đường từ Trường TH Lộc Thiện B đi ấp 4A, xã Lộc Tấn	9.000	9.000	9.000			9.000	9.000					Thiết kế xong
44	Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp đi ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú.	11.200	13.500	13.500			13.500	13.500					Thiết kế xong

TT	Danh mục dự án	TMBĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022						Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn						Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
45	Xây dựng mới cầu bê tông cốt thép đường Huỳnh Tấn Phát, thị trấn Lộc Ninh	7.000	7.000	7.000					7.000	7.000							Đang thiết kế
46	Xây dựng đường thoát nước tổ 3,4 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hòa (giai đoạn 2)	2.130	2.130	2.130					2.130	2.130							Đang thiết kế
47	Đường từ ngã ba nhà ông Từ đi cùm dân cư liền kề chốt dân cư biên giới, xã Lộc Hoà	6.998	6.998	6.998					6.998	6.998							Đang thiết kế
48	Xây dựng đường từ QL13 đi ấp 8, xã Lộc Hoà	2.520	2.520	2.520					2.520	2.520							Đang thiết kế
49	XĐ kẻ, mở rộng đường thoát nước đường BTXM ấp 8 (phía Tây), xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000					2.000	2.000							Đang thiết kế
50	Đường từ Nhà sản xuất hóa ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	4.990	4.990	4.990					4.000	4.000							Đang thiết kế
51	Đường từ tổ 3 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	4.990	4.990	4.990					4.990	4.990							Đang thiết kế
52	Đường từ ngã ba nhà ông Kina đi chốt tuần tra biên giới xã Lộc An	6.995	6.995	6.995					6.995	6.995							Đang thiết kế
53	Nâng cấp hệ thống đường thoát nước ấp 54, xã Lộc An (giai đoạn 2)	2.290	2.290	2.290					2.290	2.290							Đang thiết kế
54	XĐ kẻ mở rộng đường thoát nước tổ 7 ấp 6, xã Lộc An	2.086	2.086	2.086					2.086	2.086							Đang thiết kế
55	Nâng cấp tuyến đường GTNT tổ 1,2 ấp 7 xã Lộc An	3.710	3.710	3.710					3.710	3.710							Đang thiết kế
56	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 4 (đoạn dốc Hòa Tiến) xã Lộc An	3.850	3.850	3.850					3.850	3.850							Đang thiết kế
57	Xây dựng hệ thống đường thoát nước ấp 8 xã Lộc Thuận	3.300	3.300	3.300					3.300	3.300							Đang thiết kế
58	Đường sỏi đỏ ấp 10 xã Lộc Thuận	4.594	4.594	4.594					4.594	4.594							Đang thiết kế
59	Xây dựng đường thoát nước cống chào ấp 3B đi điểm trường học ấp 3B, xã Lộc Thuận	2.000	2.000	2.000					2.000	2.000							Đang thiết kế
60	Xây dựng đường thoát nước Chùa Linh Sơn đi tổ 9 ấp 2 xã Lộc Thuận	3.200	3.200	3.200					3.200	3.200							Đang thiết kế
61	Đường GTNT tổ 2 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thuận	2.136	2.136	2.136					2.136	2.136							Đang thiết kế
62	Xây dựng hệ thống đường trên các tuyến đường khu dân cư trung tâm ấp Lộc Bình 1, xã Lộc Thành	5.255	5.255	5.255					5.255	5.255							Đang thiết kế
63	Mở rộng đường trên các tuyến đường ấp Bồn Xăng xã Lộc Quang	1.995	1.995	1.995					1.995	1.995							Đang thiết kế
64	Xây dựng đường tổ 3 ấp Việt Quang kết nối đường DT756 xã Lộc Quang	7.000	7.000	7.000					7.000	7.000							Đang thiết kế
65	Xây dựng công, mở rộng đường thoát nước ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	1.000	1.000	1.000					1.000	1.000							Đang thiết kế
66	Xây dựng đường ấp 7 xã Lộc Điện	1.250	1.250	1.250					1.250	1.250							Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022						Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ						
67	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3 (giai đoạn 2)	1.500	1.500	1.500				1.500	1.500							Đang thiết kế
68	XD đường GTNT tổ 1,2 ấp 4, xã Lộc Điền	2.000	2.000	2.000				2.000	2.000							Đang thiết kế
69	Đường ấp 9 đi THCS xã Lộc Điền	4.998	4.998	4.998				4.998	4.998							Đang thiết kế
70	Đường GTNT tổ 2 ấp 9 xã Lộc Điền	6.999	6.999	6.999				6.999	6.999							Đang thiết kế
71	Xây dựng mương kê tuyến đường tại tổ 8 ấp 2, tổ 4,6 ấp 3 và tổ 5 ấp 4, xã Lộc Điền	1.790	1.790	1.790				1.790	1.790							Đang thiết kế
72	XD kê mương thoát nước tổ 3 ấp 10 và tổ 6 ấp 11B, xã Lộc Thiện	1.400	1.400	1.400				1.400	1.400							Đang thiết kế
73	Đường tổ 6 ấp Vườn Bưởi đi tổ 7 ấp Măng Cài	1.103	1.103	1.103				1.103	1.103							Đang thiết kế
74	Xây dựng cống, mương thoát nước tổ 9 ấp K54, xã Lộc Thiện	1.086	1.086	1.086				1.086	1.086							Đang thiết kế
75	Xây dựng mương thoát nước ấp Sóc Lớn xã Lộc Khánh	2.000	2.000	2.000				2.000	2.000							Đang thiết kế
76	Xây dựng mương thoát nước ấp Quyết Thành xã Lộc Khánh	2.500	2.500	2.500				2.500	2.500							Đang thiết kế
77	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,3 ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000				1.000	1.000							Đang thiết kế
78	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường D6 khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999				6.999	6.999							Thị công
79	XD mương đường D1, D2, D3, D4, D6, thị trấn Lộc Ninh	2.001	2.001	2.001				2.001	2.001							Đang thiết kế
80	Nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999				6.999	6.999							Thị công
81	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999				6.999	6.999							Thị công
82	Xây dựng đường GTNT tổ 6, tổ 10 ấp 6, xã Lộc Hưng	4.999	4.999	4.999				4.999	4.999							Đang thiết kế
83	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 3, tổ 7,8 ấp 6 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709				1.709	1.709							Đang thiết kế
84	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 4, tổ 7 ấp 1 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709				1.709	1.709							Đang thiết kế
85	Đường từ ngã 3 cầu sập đi ngã 4 nhà văn hóa ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn	6.995	6.995	6.995				6.995	6.995							Đang thiết kế
86	Đường nhựa ấp Bù Núi xã Lộc Tấn	6.991	6.991	6.991				6.991	6.991							Đang thiết kế
87	Đường nhựa tổ 2,6,7 ấp Tân Hai xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh	6.996	6.996	6.996				6.996	6.996							Đang thiết kế
88	Đường nhựa tổ 10, ấp Tân Hai đi Trung tâm hành chính xã Lộc Phú.	6.998	6.998	6.998				6.998	6.998							Đang thiết kế

[illegible]

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
111	Đường Bù Núi đi đường tuần tra Biên giới	115.000	115.000			115.000	115.000			115.000			Đang thiết kế
112	Mở rộng đường Lê Lợi, Thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)	8.500					8.500	8.500			8.500		Đang thiết kế
B	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	470.951	384.851	185.351	199.500	-	414.851	215.351	199.500	-	30.000	-	
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	20.801	3.701	3.701	-	-	3.701	3.701	-	-			
1	XD 08 phòng học lâu trường TH&THCS Lộc Thành	4.257	157	157			157	157					Quyết toán
2	XD 12 phòng học lâu trường TH Lộc Hưng	5.325	225	225			225	225					Quyết toán
3	XD 08 phòng học lâu trường THCS Lộc Điền	6.000	300	300			300	300					Quyết toán
4	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Quang	5.219	119	119			119	119					Quyết toán
5	XD 18 phòng học lâu trường TH&THCS Lộc Thiện		2.900	2.900			2.900	2.900					Quyết toán
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	450.150	381.150	181.650	199.500	-	411.150	211.650	199.500	-	30.000	-	
1	XD nhà tập đa năng và 04 phòng lâu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Điền	7.500	7.500	7.500			7.500	7.500					Thị công
2	XD 06 phòng học lâu (diêm lệ) trường TH Lộc Thuận B	4.600	4.600	4.600			4.600	4.600					Thị công
3	XD 24 phòng học lâu trường THCS Lộc Khánh	19.500	22.500	22.500			22.500	22.500					Thị công
4	Xây dựng 07 phòng học và chức năng. 04 phòng hỗ trợ học tập, hội trường và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Điền A	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thị công
5	Xây dựng 08 phòng học lâu, hàng rào, sân bê tông Trường Tiểu học Lộc Điền B	5.350	5.350	5.350			5.350	5.350					Thị công
6	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Hưng	10.000	-				-						
7	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Hưng	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thị công
8	XD 10 phòng học lâu, 02 phòng ngoại ngữ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp	12.600	12.600	12.600			12.600	12.600					Thị công
9	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hiệp	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thị công
10	XD nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái A	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000					Hoàn thành
11	XD 12 phòng học lâu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và khối phòng hỗ trợ học tập) trường THCS Lộc Tấn	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900					Thị công
12	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B	6.500	6.500	6.500			6.500	6.500					Thị công
13	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Thái	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000					Thị công



TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
14	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000							Đang thiết kế
15	Xây dựng 30 phòng học lâu Trường THCS thị trấn Lộc Ninh	23.000	-				-								
16	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A (vị trí mới)	19.000	19.000	19.000			19.000	19.000							Thi công
17	Xây dựng 12 phòng học lý thuyết (khối tiểu học) và 06 phòng học bộ môn (khối THCS) Trường TH&THCS Lộc Thành	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000							Thi công
18	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tấn)	30.000	30.000		30.000		30.000		30.000						Thiết kế xong
19	Xây dựng Trường TH và THCS Lộc Phú	37.500	37.500		37.500		37.500		37.500						Đang thiết kế
20	Xây dựng Trường THCS Lộc Thái	37.500	37.500		37.500		37.500		37.500						Đang thiết kế
21	Trường mẫu giáo Lộc Thái	20.000	18.000		18.000		18.000		18.000						Đang thiết kế
22	Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	20.000	18.000		18.000		18.000		18.000						Thi công
23	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	50.000	45.000		45.000		45.000		45.000						Hoàn thành
24	XD 12 phòng học và đa năng trường THPT Lộc Hiệp	13.500	13.500		13.500		13.500		13.500						Thi công
25	XD nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	5.000					5.000	5.000			5.000				Đang thiết kế
26	XD 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	20.000					20.000	20.000			20.000				Đang thiết kế
27	XD 04 phòng học hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học Trường TH Lộc Thái B	5.000					5.000	5.000			5.000				Đang thiết kế
C	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	377.342	341.233	341.233	-	-	350.705	350.705	-	-	9.472		-		-
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	41.434	13.297	13.297	-	-	13.297	13.297	-	-					
1	XD Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	20.509	1.372	1.372			1.372	1.372							Quyết toán
2	XD Hội trường BCH Quận sư huyện	8.500	8.500	8.500			8.500	8.500							Thi công
3	XD Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện	3.260	3.260	3.260			3.260	3.260							Đang QT
4	XD 16 phòng khám bệnh Trung tâm y tế huyện	8.000	-				-								
5	San lấp mặt bằng trường MCG Lộc Hưng	1.165	165	165			165	165							Hoàn thành
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	335.908	327.936	327.936	-	-	337.408	337.408	-	-	9.472		-		
1	XD Sân vận động-Nhà thi đấu đa năng huyện (Lộc Thái)	42.000	42.000	42.000			42.000	42.000							Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMBT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
2	XD Trung tâm hành chính huyện	200.000	200.000	200.000			200.000	200.000					Thiết kế xong
3	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thị trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)	10.500	10.500	10.500			10.500	10.500					Thị công
4	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	4.036	4.036	4.036			4.036	4.036					Đang thiết kế
5	Xây dựng nhà văn hoá khu phố Ninh Thuận, Ninh Thạnh và Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thị công
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					Hoàn thành
7	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, 8B, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Thị công
8	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, ấp 9 xã Lộc Thái	2.820	2.820	2.820			2.820	2.820					Thị công
9	Xây dựng Hội trường UBND xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thị công
10	Xây dựng nhà văn hoá ấp Hiệp Tâm A, ấp Hiệp Tâm B và ấp Hiệp Thành Tân, xã Lộc Hiệp	3.228	3.228	3.228			3.228	3.228					Thị công
11	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 4,5 và 6 xã Lộc Hưng	1.617	1.617	1.617			1.617	1.617					Thị công
12	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 7,8 và 9 xã Lộc Hưng	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995					Đang thiết kế
13	XD công, kê đá, cây xanh, thiết bị Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.600	1.600	1.600			1.600	1.600					Thị công
14	Xây dựng nhà khách Ban chỉ huy quân sự huyện Lộc Ninh	17.775	17.775	17.775			17.775	17.775					Đang thiết kế
15	Xây dựng các hạng mục căn cứ Hậu cần – Kỹ thuật	6.065	6.065	6.065			6.065	6.065					Đang thiết kế
16	Nhà làm việc Ban Công an xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Đang thiết kế
17	Xây dựng kê chắn đất nhà văn hoá ấp K54, xã Lộc Thiện	600	600	600			600	600					Đang thiết kế
18	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bia đá, cảnh quan khu vực X16 (giai đoạn 2)	10.000	10.000	10.000			10.000	10.000					Thị công
19	Xây mới kê đá Trường mầm non Sao Mai	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000					Thị công
20	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	1.200	1.200	1.200			1.200	1.200					Hoàn thành
21	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thị công
22	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	8.472	8.472				8.472	8.472			8.472		Đang thiết kế
23	Xây dựng kho chứa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và phòng lưu trữ Ban QL-rừng phòng hộ Lộc Ninh	1.000	1.000				1.000	1.000			1.000		
D	CÔNG TRÌNH ĐIỆN	59.276	40.925	40.925	-	-	40.925	40.925	-	-			



TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ					
I	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016-2020 sang giải đoạn 2021-2025	20.592	2.241	2.241	-	-	2.241	2.241	-	-					
1	Điện áp 11, xã Lộc Thuận	1.500	500	500			500	500					Thi công		
2	Điện tổ 4, ấp Chàng hai đi tổ 7, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	3.951	100	100			100	100					Thi công		
3	Điện THT áp K57, xã Lộc Tấn	2.061	461	461			461	461					Thi công		
4	Đường dây trung hạ thế và TBA các ấp Tân Hai, SoocRung, Tân Lợi, Bù Linh, Vê Vang và Thảng Lợi, xã Lộc Phú	5.508	108	108			108	108					Thi công		
5	Điện tổ 3-6-7, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (doan từ nhà bà Thảo đến nhà bà Tâm Tuyet)	3.332	332	332			332	332					Thi công		
6	Điện khu Đồi Trò áp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh	4.240	740	740			740	740					Thi công		
II	Dự án khởi công mới trong giải đoạn 2021-2025	38.684	38.684	38.684	-	-	38.684	38.684	-	-					
1	Điện thấp sáng nông thôn	12.811	12.811	12.811			12.811	12.811							
2	Điện tổ 1,2,3,5,7 ấp Đồi Đa, Lộc Khánh	5.900	5.900	5.900			5.900	5.900					Thi công		
3	Điện tổ 6,7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	5.700	5.700	5.700			5.700	5.700					Thi công		
4	Điện tổ 3 ấp Thanh Đông, xã Lộc Thanh	600	600	600			600	600					Thi công		
5	Điện tổ 10, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh	350	350	350			350	350					Thi công		
6	Điện ấp Hiệp Tân, Hiệp Hoàn A, Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Thi công		
7	Điện ấp 7, xã Lộc Hòa	2.700	2.700	2.700			2.700	2.700					Thi công		
8	Điện áp 8C, xã Lộc Hòa	4.300	4.300	4.300			4.300	4.300					Thi công		
9	Điện trung hạ thế và trạm biến áp đường Đồng Tân - Lộc Khánh	2.823	2.823	2.823			2.823	2.823					Thi công		
G	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	490.258	480.258	145.258	90.000	245.000	480.258	145.258	90.000	245.000					
I	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016-2020 sang giải đoạn 2021-2025														
II	Dự án khởi công mới trong giải đoạn 2021-2025	490.258	480.258	145.258	90.000	245.000	480.258	145.258	90.000	245.000					
1	Hồ chứa nước thi trấn Lộc Ninh (bao gồm GPMB)	118.000	118.000	118.000			118.000	118.000					Đang thiết kế		
2	Cải tạo suối chống hạn (doan từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm Trường)	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000					Thi công		

TT	Danh mục dự án	TMBĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 88 ngày 26/7/2022				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
3	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điện)	150.000	150.000	15.000		135.000	150.000	15.000		135.000			Thi công
4	Hệ thống kênh tưới huyện	110.000	110.000			110.000	110.000			110.000			Đang thiết kế
5	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	2.258	2.258	2.258			2.258	2.258					Thi công
6	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Hèo, thị trấn Lộc Ninh	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000					Thi công
7	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000					Thi công
H	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	80.000	80.000	80.000		-	80.000	80.000		-			
I	Chi phí GPMB các dự án trên địa bàn huyện Lộc Ninh	80.000	80.000	80.000			80.000	80.000					
I	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI - ANTT (01 dự án)	5.000	5.000	5.000			5.000	5.000					
I	Hệ thống Camera an ninh	5.000	5.000	5.000			5.000	5.000					Quyết toán
K	CHƯƠNG TRÌNH GIÁM 1000 HỘ NGHÈO ĐBDTTS	19.114	19.114	19.114			19.114	19.114					
L	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	81.000	81.000	81.000			81.000	81.000					
M	CHƯƠNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BỀ TỎNG XI MĂNG	42.530	42.530	42.530			42.530	42.530					
N	VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH	15.000	15.000	15.000			15.000	15.000					
O	VỐN TẮT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÁ QUYẾT TOÁN	2.989	3.628	3.628			3.628	3.628					
P	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000					

